



yìng hàn

硬汉

noun · tough guy; strong man

Example Sentences

diàn yǐng lǐ de zhǔ jué shì gè yìng hàn
电 影 里 的 主 角 是 个 硬 汉 。

The protagonist in the movie is a tough guy.

tā shòu shāng le yě bù kū zhēn shì gè yìng hàn
他 受 伤 了 也 不 哭 ， 真 是 个 硬 汉 。

He didn't cry even when injured; he's really a tough guy.

Trace each character, then write the word on your own.

硬	硬	硬	硬	硬	硬	硬	硬	硬	硬	硬
硬	硬	硬	硬							
汉	汉	汉	汉	汉	汉	汉	汉			